TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 9 - 2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Hồng Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về *tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1987: có mặt

Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1984: vắng mặt

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2017, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Quốc T có quan hệ vợ chồng, thành hôn năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến vợ con, không lo cuộc sống gia đình và đã ly thân cho đến nay nên nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 15/8/2007 và Nguyễn Chí T2, sinh ngày 12/9/2011, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là anh Nguyễn Quốc T không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại các phiên tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không lý do.

Tại biên bản tiếp xúc ngày 22/3/2017, Trưởng ban công tác mặt trận ấp M, xã T (BL36) xác định, bị đơn là anh Nguyễn Quốc T không có mặt tại địa phương đi làm ăn xa khoảng 03 tháng nay. Gia đình anh T cũng không ai ở địa phương, không rõ nơi cư trú hiện nay. Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T thì ông không rõ do đương sự không thường xuyên sinh sống tại địa phương.

Tại bản tự khai ngày 15/5/2017 (BL25) và biên bảy lấy lời khai ngày 06/6/2017 (BL 32), cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/8/2007 là con chung của nguyên đơn, bị đơn trình bày, khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 100 quyển số 01/2008 ngày 17/11/2008 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang (BL 04), anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Như H đã đăng ký kết hôn với nhau.

Theo giấy khai sinh số 199/2011 quyển số 01/2011 (BL 05), cháu Nguyễn Chí T1 sinh ngày 12/9/2011 và giấy khai sinh số 257 quyển số 02/2008 (BL06) cháu Nguyễn Anh T2, sinh ngày 15/8/2007 là con chung của anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Như H

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là anh Nguyễn Quốc T vắng mặt tại phiên tòa lần hai không lý do.

Vị Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng và đầy đủ, đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo

quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt để tham gia tố tụng là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn, xử cho chị Nguyễn Thị Như H được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T

- Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 15/8/2007 và Nguyễn Chí T2 sinh ngày 12/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Như H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

-Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự chưa có yêu cầu và trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, Vị kiểm sát viên còn đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như H và anh Nguyễn Quốc T là vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo xác định của nguyên đơn và chứng cứ do Tòa án thu thập đều thể hiện giữa chị H và anh T đã có mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân với nhau.Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp để hòa giải nhưng anh T vắng mặt không lý do chứng tỏ không tha thiết trong việc đoàn tụ, thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung**:** cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 15/8/2007 và cháu Nguyễn Chí T2 sinh ngày 12/9/2011 hiện đang sống chung với chị H, cháu T1 hiện nay đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị H sau khi cha, mẹ ly hôn nên cần được giao cho chị H tiếp tục nuôi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H xác định nuôi con đảm bảo và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm con không ai

được cản trở là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung**:** Nguyên đơn xác định không có, bị đơn chưa có yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn và được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Như H về việc ly hôn với bị đơn Nguyễn Quốc T

2. Về con chung:Giao hai cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 15/8/2007 và Nguyễn Chí T2 sinh ngày 12/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Như H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở .

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Như H có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình. Trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013777 ngày 19/4/2017, chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo

trong hạn 15 (*mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Triệu Hữu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu:VT; hồ sơ vụ án.